**Mẫu số 08.04**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  TỈNH LÀO CAI  **CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

Số\*: A/B/C/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi……………………………. Địa chỉ trụ sở: ………………...

Số điện thoại: …………………………..… Số Fax: ……………………………….

Địa chỉ trang trại: ……………………………………………………………………

Số điện thoại: …………………………… Số Fax: …………………………………

Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ……………………………………………………………………………….....

**Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.**

Gia súc: …………………………… Số lượng: …………………………………;

Gia cầm: ………………………….. Số lượng: ………………………………….;

Vật nuôi khác:…………………..… Số lượng: …………………………………..;

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……...., ngày … tháng … năm …* **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***\*Ghi chú:***

Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi như sau:

- A: là mã số đơn vị hành chính của địa phương (nơi cấp Giấy chứng nhận) theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

- B: là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi, bắt đầu từ số 001.

- C: là năm cấp Giấy chứng nhận.

- ĐKCN: viết tắt của “điều kiện chăn nuôi”.